

Số: 797 /2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 570/2026/TLST – HN&GD ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc “Xin ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Lan P**, sinh năm 1959; ĐKKHKT và nơi ở: **Số D T, phường T, thành phố Hà Nội**.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà **Bùi Thị Lan P**: Luật sư **Nguyễn Thị Thúy K** – Công ty L, Đoàn luật sư thành phố H.

- Bị đơn: Ông **Dương Quốc K1**, sinh năm 1960; ĐKKHKT và nơi ở: **Số D T, phường T, thành phố Hà Nội**.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông **Dương Quốc K1**: Luật sư **Nguyễn Huy A** – Văn phòng L1, Đoàn luật sư thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị Vân M**, sinh năm 1940; CCCD số 001140003799 cấp ngày 18/3/2019; HKTT và nơi cư trú: **Số D T, phường T, thành phố Hà Nội**.

2. Bà **Dương Quỳnh H**, sinh năm 1974; CCCD số 001174023925 cấp ngày 28/5/2020; HKTT và nơi cư trú: **Số D T, phường T, thành phố Hà Nội**.

Bà **Nguyễn Thị Vân M** và bà **Dương Quỳnh H** ủy quyền cho ông **Dương Quốc K1** theo biên bản xác nhận ủy quyền ngày 16/6/2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Bà **Bùi Thị Lan P** và ông **Dương Quốc K1** có đăng ký kết hôn tại **UBND phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội** (nay là **UBND phường V, thành phố Hà Nội**) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 125, quyển số 02/1988 vào ngày 01 tháng 7 năm 1988.

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 6 năm 2026 về việc

giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về tình cảm:** Bà **Bùi Thị Lan P** và ông **Dương Quốc K1** thống nhất thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Bà **Bùi Thị Lan P** và ông **Dương Quốc K1** có 01 (Một) con chung là **Dương Quốc H1**, sinh ngày 06/02/1989. Con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- **Về tài sản chung (Bất động sản):** Bà **Bùi Thị Lan P** và ông **Dương Quốc K1** xác nhận năm 1995 ông **K1**, bà **P** đã bán căn nhà tại **H** được 557.000.000 đồng (tương đương 111 cây vàng 9999) và đưa số tiền này cho bố mẹ ông **K1** để trả cho các em của ông **K1** đang sinh sống tại nhà đất 86B (số mới 482) **phố T** đi nơi khác ở. Khi đó bố mẹ đẻ ông **K1** là ông **Dương Xuân B** và bà **Nguyễn Thị Vân M** đã viết giấy tặng cho ông **K1** $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất và bán $\frac{1}{2}$ nhà đất tại **số H** (số mới 482) **phố T**, **phường B**, **quận T**, (nay là **phường T**), **thành phố Hà Nội** cho ông **K1**. Sau đó, ngày 07/8/2001 ông **B** và bà **M** làm thủ tục tặng cho ông **K1** nhà đất trên tại trụ sở **UBND quận T**.

Ngày 11/6/2025, tại **Văn phòng L2**, bà **Bùi Thị Lan P** và ông **Dương Quốc K1** đã thống nhất thỏa thuận: Bà **Bùi Thị Lan P** được hưởng $\frac{1}{4}$ giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 160, tờ bản đồ số 65 tại địa chỉ **H** (**số M**) **phố T**, **phường T**, **thành phố Hà Nội** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU408874, vào sổ cấp GCN số CS-TH: 05729 do **Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H** cấp ngày 14/6/2021 cấp đứng tên ông **Dương Quốc K1**.

- Bà **Bùi Thị Lan P** và ông **Dương Quốc K1** thống nhất đề nghị Tòa án không tiến hành định giá tài sản; bà **P**, ông **K1** thống nhất giá nhà đất tại thửa đất số 160, tờ bản đồ số 65 tại địa chỉ **H** (số mới là 482) **phố T**, **phường T**, **thành phố Hà Nội** là 500.000.000 đồng/m²; Diện tích đất là 106,7m². Tổng giá trị nhà đất là: 53.350.000.000 đồng (Năm mươi ba tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng).

- Bà **Bùi Thị Lan P** và ông **Dương Quốc K1** thống nhất bán nhà đất tại địa chỉ **H** (số mới là 482) **phố T**. Trong thời gian hai bên chưa bán được nhà đất thì bà **P** vẫn tiếp tục được ở tại nhà đất nêu trên đến khi nào bán được nhà. Hai bên phải có trách nhiệm thiện chí trao đổi để làm thủ tục bán nhà đất. Bà **Bùi Thị Lan P** được hưởng $\frac{1}{4}$ giá trị nhà đất tương đương số tiền là: **13.337.500.000 đồng** (Mười ba tỷ, ba trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng); Ông **Dương Quốc K1**

được hưởng $\frac{3}{4}$ giá trị nhà đất tương đương số tiền là: **40.012.500.000 đồng** (Bốn mươi tỷ, không trăm mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Trong trường hợp không bán được nhà đất nói trên thì chậm nhất ngày 30/12/2026, ông **Dương Quốc K1** phải có trách nhiệm thanh toán cho bà **Bùi Thị Lan P** số tiền là: **13.337.500.000 đồng** (Mười ba tỷ, ba trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng). Sau khi ông **Dương Quốc K1** thanh toán số tiền trên cho bà **Bùi Thị Lan P** thì bà **Bùi Thị Lan P** không còn bất cứ quyền lợi và nghĩa vụ gì đối với nhà đất tại thửa đất số 160, tờ bản đồ số 65 tại địa chỉ **H T** (số mới là 482 **T**), **phường T, thành phố Hà Nội**.

Kể từ ngày 31/12/2026, ông **Dương Quốc K1** không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền **13.337.500.000 đồng** (Mười ba tỷ, ba trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) thì bà **P** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản là nhà đất **số D T, phường T, thành phố Hà Nội**.

- **Về các khoản nợ:** Bà **Bùi Thị Lan P** và ông **Dương Quốc K1** xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà **Bùi Thị Lan P** và ông **Dương Quốc K1** được miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm do là người trên 60 tuổi.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội;*
- *Phòng THA dân sự Khu vực 1 – Hà Nội;*
- *UBND phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Đinh Ngọc Liên